

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN LIÊN CHIÊU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TP. ĐÀ NẴNG

Bản án số: **81/2024/DS-ST**

Ngày: 21/8/2024

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản chung hộ gia đình;
Chia di sản thừa kế theo pháp luật*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIÊU - TP ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Nguyễn Thi Thi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi**

Ông **Nguyễn Văn Cơ**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa:** Ông **Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2024/TLST-DS ngày 19/01/2024 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung hộ gia đình; Chia di sản thừa kế theo pháp luật*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Đặng Thị P**, sinh ngày 01/01/1934. Địa chỉ: **tổ D phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.**

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Khánh V**, sinh năm 1977; Địa chỉ liên hệ: **A B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.** Có mặt.

- **Bị đơn:**

1/ Ông **Phan Quang S**, sinh năm 1986; Địa chỉ: **tổ D phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.** Vắng mặt.

2/ Bà **Phan Thị Tường V1**, sinh năm 1992. Địa chỉ: **tổ E phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.** Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Phan Quang T**, sinh ngày 07/3/1973; Địa chỉ: **tổ D phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.** Có mặt.

2/ Bà **Phan Thị Thanh L**, sinh ngày 04/7/1974; Địa chỉ: **tổ B phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.** Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/ Bà Phan Thị V2, sinh ngày 03/3/1959; Địa chỉ: 2 T, tổ A phường B, quận H thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Bà Phan Thị Thanh X, sinh ngày 05/5/1968; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5/ Bà Phan Thị Hồng H, sinh ngày 23/3/1995; Địa chỉ: tổ E phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Khánh V trình bày ý kiến:*

Hộ gia đình vợ chồng ông Phan T1 và bà Đặng Thị P có quyền sử dụng đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 557, diện tích 110m đất ở, địa chỉ tổ D Hòa Hiệp N quận L, vị trí E đường P. Giá trị hiện tại ước tính 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Số GCN: I869982 do UBND huyện H cấp ngày 06/12/1996. Tên đại diện hộ gia đình: ông Phan T1 (chết 15/02/2006)

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận, hộ gia đình gồm có 05 người có tên trong hộ khẩu là:

- 1/ Phan T1 (chủ hộ)
- 2/ Đặng Thị P (vợ ông T1)
- 3/ Phan Quang T (con)
- 4/ Phan Thị Thanh L (con)
- 5/ Phan Quang S (cháu nội)

Di sản do ông T1 để lại là 1/5 quyền sử dụng đất chung trong thửa đất nói trên. Trị giá ước tính 750.000.000đ chia 5 phần bằng 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Tài sản gắn liền với đất gồm 1 nhà cấp 4, diện tích 60 mét vuông, do ông Phan Quang T xây dựng vào năm 2007.

Những người thừa kế của ông T1:

Cha, mẹ của ông T1 đều đã chết trước năm 1975. Ông T1 không có cha mẹ nuôi, không có con nuôi, không có con riêng. Những người thừa kế hàng thứ nhất của ông T1 gồm 06 người:

- 1/ Đặng Thị P, sinh năm 1934 (vợ)
- 2/ Phan Thị V2 sinh năm 1959 (con ruột)
- 3/ Phan Thị Thanh X sinh năm 1968 (con ruột)
- 4/ Phan Quang T sinh năm 1973 (con ruột)
- 5/ Phan Thị Thanh L sinh năm 1974 (con ruột)
- 6/ Phan Quang T2 sinh năm 1964 (con ruột, mất 2004). Có 03 con là Phan Quang S sinh năm 1986, Phan Thị Tường V1 sinh năm 1992 và Phan Thị Hồng H sinh năm 1995 là người thừa kế thế vị.

Mỗi người thừa kế hàng thứ nhất của ông T1 được hưởng ước tính 150.000.000đ chia sáu phần, bằng 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

Mỗi đồng thừa kế thế vị của ông T2 được hưởng 1/3 di sản ông T2 để lại, trị giá ước tính $25.000.000đ/3 = 8.333.333đ$ (Tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Do tuổi cao, tôi muốn chia di sản thừa kế của ông Phan T1 để lại và chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của các thành viên hộ gia đình cho thừa đất nói trên. Tuy nhiên ông Phan Quang S và bà Phan Thị Tường V1 không đồng ý, dù gia đình đã nhiều lần động viên thuyết phục. Do vậy, tôi làm đơn này Yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Chia phần sở hữu riêng của ông Phan Quang S trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất cho ông S. Trị giá ước tính 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Chia kỹ phần thừa kế thế vị của ông S được hưởng từ ông T2 là 8.333.333đ, tổng tiền ông T2 được hưởng ước tính là 158.333.333đ (một trăm năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

2/ Chia kỹ phần thừa kế thế vị của bà H, bà V1 được hưởng từ ông T2, mỗi người được hưởng ước tính là 8.333.333đ (tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng)

3/ Chia phần tài sản chung của tôi (Đặng Thị P), ông Phan Quang T, bà Phan Thị Thanh L, mỗi người được chia ước tính 150.000.000đ. Chia thừa kế của ông T1 để lại cho tôi, ông T và bà L, mỗi người được nhận ước tính 25.000.000đ. Tổng giá trị tôi (Đặng Thị P), ông Phan Quang T, bà Đặng Thị Thanh L1 mỗi người được hưởng 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

4/ Chia thừa kế của ông T1 để lại cho bà Phan Thị V2, Phan Thị Thanh X, mỗi người được hưởng ước tính 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

5/ Vì đây là chỗ ở duy nhất của tôi nên tôi được tiếp tục sử dụng và thoái trả bằng tiền mặt ước tính như sau:

- Trả cho ông Phan Quang S 158.333.333đ (Một trăm năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng);

- Trả cho bà Phan Thị Hồng H 8.333.333đ (tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng);

- Trả cho bà Phan Thị Tường V1 8.333.333đ (tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng);

- Trả cho ông Phan Quang T 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng);

- Trả cho bà Phan Thị Thanh L 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng);

- Trả cho bà Phan Thị V2 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng);

- Trả cho bà Phan Thị Thanh X 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng);

Số tiền thực tế theo kết quả định giá trong quá trình Tòa án giải quyết.

Về ngôi nhà trên đất không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện việc thẩm định giá tài sản. Công ty cổ phần G, chi nhánh Đ đã ban hành chứng thư số 241404138/2024/ĐNG ngày 04/6/2024 xác định giá tài sản tranh chấp như sau:

Giá trị quyền sử dụng đất: 1.545.416.290 đồng (Một tỷ năm trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm mười sáu ngàn hai trăm chín mươi đồng).

Giá trị công trình trên đất như sau: 71.400.000 đồng (Bảy mươi một triệu bốn trăm ngàn đồng).

Tổng cộng giá trị quyền sử dụng đất và công trình trên đất là: 1.616.816.000 đồng (Một tỷ sáu trăm mười sáu triệu tám trăm mười sáu ngàn đồng)

Bà **Đặng Thị P** thay đổi yêu cầu như sau: Vì đây là chỗ ở duy nhất của bà **P** nên nguyện vọng của bà **P** là được tiếp tục sử dụng và thôi trả bằng tiền mặt như sau:

- Trả cho ông **Phan Quang S** 326.254.550đ (Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm năm mươi đồng);

- Trả cho bà **Phan Thị Tường V1** 17.171.292đ (Mười bảy triệu một trăm bảy mươi một nghìn hai trăm chín mươi hai đồng);

Riêng phần của bà **Phan Thị Hồng H**, ông **Phan Quang T**, bà **Phan Thị Thanh L**, bà **Phan Thị V2**, bà **Phan Thị Thanh X** đã có văn bản từ chối và cho tặng cho bà **Đặng Thị P** nên đề nghị Tòa án công nhận những phần này cho bà **P**.

*** Bị đơn ông Phan Quang S và bà Phan Thị Tường V1 mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Quang T trình bày:**

Do tuổi cao, mẹ ông **T** là bà **Đặng Thị P** muốn chia di sản thừa kế của cha tôi là ông **Phan T1** để lại và chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của các thành viên hộ gia đình cho thừa đất nói trên. Tuy nhiên ông **Phan Quang S** và bà **Phan Thị Tường V1** không đồng ý, dù gia đình đã nhiều lần động viên thuyết phục, nên bà **P** đã yêu cầu tòa án giải quyết. Về nguồn gốc đất, những người thừa kế, tỷ lệ chia tài sản chung và chia thừa kế, ông **T** hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì. Riêng phần chia cho ông thì ông tự nguyện không nhận tài sản, tặng cho bà **P** và không yêu cầu bà **P** thoái trả tiền mặt. Về ngôi nhà trên đất không yêu cầu tòa án giải quyết vì đây là tài sản do ông **Phan Quang T** bỏ tiền ra xây dựng.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Hồng H trình bày:**

Do tuổi cao, bà nội bà **H** là bà **Đặng Thị P** muốn chia di sản thừa kế của ông nội bà **H** là ông **Phan T1** để lại và chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của các thành viên hộ gia đình cho thừa đất nói trên. Tuy nhiên ông **Phan Quang S** và bà **Phan Thị Tường V1** không đồng ý, dù gia đình đã nhiều lần động viên thuyết phục, nên bà **P** đã yêu cầu tòa án giải quyết. Về nguồn gốc đất, những người thừa kế, tỷ lệ chia tài sản chung và chia thừa kế, bà **H** hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì. Riêng phần chia cho bà **H** thì bà **H** tự nguyện không nhận tài sản, tặng cho bà **P** và không yêu cầu bà **P** thoái trả tiền mặt. Về ngôi nhà trên đất không yêu cầu tòa án giải quyết vì đây là tài sản do ông **Phan Quang T** bỏ tiền ra xây dựng.

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thanh L, bà Phan Thị V2, bà Phan Thị Thanh X có đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến như sau:**

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng ý với kết quả thẩm định giá tài sản và thống nhất không yêu cầu chia phần tài sản trên đất vì phần nhà này do ông **Phan Quang T** bỏ tiền ra xây dựng.

Đối với kỹ phần được nhận họ thống nhất tặng cho toàn bộ bà **Đặng Thị P**.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Nhận định việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên đã có đơn trình bày và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, do đó đề HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

Riêng đối với bị đơn ông **Phan Quang S** và bà **Phan Thị Tường V1** chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đặng Thị P** đối với bị đơn ông **Phan Quang S** và bà **Phan Thị Tường V1** về việc “*Chia tài sản chung của hộ gia đình; Chia di sản thừa kế theo pháp luật*”.

1. Xác định tài sản chung của hộ gia đình và di sản thừa kế của ông **Phan T1** để lại mà các bên yêu cầu chia là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 557, diện tích 110m đất ở, địa chỉ **tổ D Hòa Hiệp N quận L, TP Đà Nẵng**.

2. Giao cho bà **Đặng Thị P** quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 26, tờ bản đồ số 557, diện tích 110m đất ở, địa chỉ **tổ D Hòa Hiệp N quận L, TP Đà Nẵng**.

3. Bà **Đặng Thị P** có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần tài sản chung của hộ gia đình và ký phần thừa kế cho ông **Phan Quang S** là 326.254.550đ (Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm năm mươi đồng); Thanh toán ký phần thừa kế cho bà **Phan Thị Tường V1** 17.171.292đ (Mười bảy triệu một trăm bảy mươi một nghìn hai trăm chín mươi hai đồng).

4. Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà **Đặng Thị P**, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình và tranh chấp về thừa kế tài sản”, bị đơn ông **Phan Quang S**, bà **Phan Thị Tường V1** có nơi cư trú tại **quận L** do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông **Phan Quang S**, bà **Phan Thị Tường V1** và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai, còn những người liên quan như bà **Phan Thị Thanh L**, bà **Phan Thị V2**,

bà Phan Thị Thanh X đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự nói trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn bà Đặng Thị P khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung của hộ gia đình; phân chia di sản thừa kế của ông Phan T1 theo pháp luật đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 557, diện tích 110m² đất ở, địa chỉ tổ D Hòa Hiệp N quận L, TP Đà Nẵng, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về tài sản chung của hộ gia đình ông Phan T1: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận yêu cầu chia là tài sản chung của hộ gia đình và chia thừa kế là thửa đất số 26, tờ bản đồ số 557, diện tích 110m² đất ở, địa chỉ tổ D Hòa Hiệp N quận L, TP Đà Nẵng.

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 869982 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp vào ngày 06/12/1996 cho hộ gia đình ông Phan T1 tại xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) thể hiện cấp cho “Hộ Phan Thê” thửa đất số 26, tờ bản đồ số 557, diện tích 110m² đất ở.

Tại giấy xác nhận hộ khẩu gốc ngày 22/02/2023, Công an quận L đã xác nhận tại thời điểm năm 1996, hộ gia đình ông Phan T1 gồm có: Ông Phan T1, sinh năm 1927 (chủ hộ); bà Đặng Thị P (Vợ), sinh năm 1934; ông Phan Quang T (con), sinh năm 1973; bà Phan Thị Thanh L (con), sinh năm 1974; ông Phan Quang S (cháu), sinh năm 1986.

Như vậy, thời điểm cấp đất đối với thửa đất nói trên thì hộ gia đình ông Phan T1 gồm 05 nhân khẩu nêu trên. Như vậy, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 557, diện tích 110m² đất ở, địa chỉ tổ D Hòa Hiệp N quận L, TP Đà Nẵng là tài sản chung của hộ gồm 05 nhân khẩu nêu trên.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế:

Ông Phan T1 (sinh năm 1927, chết năm 2006) nên xác định thời điểm mở thừa kế đối với ông T1 là ngày ông T1 chết. Thời hiệu khởi kiện: Ngày 11/12/2023, bà Đặng Thị P nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế đối với di sản ông Phan T1 để lại, như vậy còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Về hàng thừa kế của ông Phan T1 được xác định như sau: Ông Phan T1 (sinh năm 1927, chết năm 2006) có vợ là bà Đặng Thị P. Vợ chồng ông T1, bà P có 05 người con là:

- 1/ Phan Thị V2 sinh năm 1959;
- 2/ Phan Thị Thanh X sinh năm 1968;
- 3/ Phan Quang T sinh năm 1973;
- 4/ Phan Thị Thanh L sinh năm 1974;
- 5/ Phan Quang T2 sinh năm 1964 (chết năm 2004).

Cha mẹ của ông Phan T1 là ông Phan Quang D (chết năm 1942) và bà Hà Thị N (chết năm 1966), đã chết trước ông T1. Ngoài ra ông T1 không có người con nào khác.

Như vậy, xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T1 còn lại là: Bà Đặng Thị P, ông Phan Quang T, bà Phan Thị V2, bà Phan Thị Thanh X, bà Phan Thị Thanh L, ông Phan Quang T2. Ông T2 đã chết năm 2004 (chết trước ông T3) có 03 con là Phan Quang S, Phan Thị Tường V1 và Phan Thị Hồng H là người thừa kế thế vị của ông T2.

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thì ông Phan T1 chết không để lại di chúc nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015, di sản thừa kế được chia theo pháp luật.

[2.4] Bà Phan Thị Hồng H, ông Phan Quang T, bà Phan Thị Thanh L, bà Phan Thị V2, bà Phan Thị Thanh X đã từ chối nhận di sản thừa kế đối với phần thừa kế thừa đất nói trên và tự nguyện tặng cho, giao cho bà Đặng Thị P quản lý, sử dụng và không có yêu cầu gì khác. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, HĐXX chấp nhận.

Do bà Đặng Thị P hiện nay đã già yếu, bệnh tật, không có chỗ ở nào khác, xét thấy nguyện vọng của bà P là được tiếp tục sử dụng và thối trả bằng tiền mặt cho ông Phan Quang S và Phan Thị Tường V1 là phù hợp với các quy định của pháp luật, HĐXX chấp nhận.

[2.5] Cụ thể phần tài sản được phân chia như sau:

- Tổng giá trị tài sản của hộ gia đình tranh chấp là: 1.545.416.290 đồng (Một tỷ năm trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm mười sáu ngàn hai trăm chín mươi đồng).

Như vậy, chia theo nhân khẩu thì giá trị tài sản của mỗi người được nhận tương đương số tiền 309.083.258 đồng (Ba trăm lẻ chín triệu không trăm tám mươi ba ngàn hai trăm năm mươi tám đồng).

- Giá trị phần di sản ông Phan T1 để lại là 309.083.258 đồng (Ba trăm lẻ chín triệu không trăm tám mươi ba ngàn hai trăm năm mươi tám đồng), được chia đều cho 05 người là bà Đặng Thị P, ông Phan Quang T, bà Phan Thị V2, bà Phan Thị Thanh X, bà Phan Thị Thanh L, ông Phan Quang T2, mỗi người được hưởng kỷ phần là 51.513.876 đồng (Năm mươi một triệu năm trăm mười ba ngàn tám trăm bảy mươi sáu đồng).

Ông Phan Quang T2 chết năm 2004 (chết trước ông T3) có 03 con là Phan Quang S, Phan Thị Tường V1 và Phan Thị Hồng H là người thừa kế thế vị của ông T2, như vậy ông S1, bà V1 và bà H mỗi người được hưởng số tiền 17.171.292đ (Mười bảy triệu một trăm bảy mươi một nghìn hai trăm chín mươi hai đồng).

Do ông Phan Quang T, bà Phan Thị V2, bà Phan Thị Thanh X, bà Phan Thị Thanh L và bà Phan Thị Hồng H đều từ chối nhận di sản thừa kế đối với phần thừa kế thừa đất nói trên và tự nguyện tặng cho bà Đặng Thị P nên phần tài sản của bà P được nhận là: 1.201.990.448 đồng (Một tỷ hai trăm lẻ một triệu chín trăm chín mươi ngàn bốn trăm bốn mươi tám đồng). Giao toàn bộ thừa đất số 26, tờ bản đồ số 557, diện tích 110m² đất ở, địa chỉ tổ D Hòa Hiệp N quận L, TP Đà Nẵng cho bà P trực tiếp sử dụng, quản lý và bà P phải có trách nhiệm thối trả cho các đồng thừa kế còn lại là bị đơn ông Phan Quang S, bà Phan Thị Tường V1 như sau:

- Thối trả cho ông Phan Quang S số tiền 326.254.550đ (Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm năm mươi đồng);

- Thời trả cho bà Phan Thị Tường V1 17.171.292đ (Mười bảy triệu một trăm bảy mươi một nghìn hai trăm chín mươi hai đồng).

[2.6] Đối với phần tài sản là nhà trên đất có giá trị 71.400.000 đồng (Bảy mươi một triệu bốn trăm ngàn đồng) là do ông Phan Quang T bỏ tiền ra xây dựng, các đương sự trong vụ án thống nhất không có ý kiến gì và đề nghị không xem xét, giải quyết phân chia đối với phần tài sản này. Do đó HĐXX không xem xét, giải quyết. Nếu có tranh chấp xảy ra, ông Phan Quang T có quyền khởi kiện bà Đặng Thị P bằng vụ án dân sự khác vẫn đảm bảo quyền lợi và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000đ bà Đặng Thị P tự nguyện chịu (Đã nộp, đã chi xong).

- Chi phí thẩm định giá tài sản là 21.600.000đ bà Đặng Thị P tự nguyện chịu (Đã nộp, đã chi xong).

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn bà Đặng Thị P là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

- Ông Phan Quang S phải chịu 16.312.728 đồng (Mười sáu triệu ba trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi tám đồng);

- Bà Phan Thị Tường V1 phải chịu 858.565 đồng (Tám trăm năm mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi lăm đồng).

[5] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; 157; Khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 212; Điều 219; Điều 612; 613; 614; 623; 649; 650; 651; 652 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 29 Điều 3; Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 64-CP27/9/1993 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị P đối với bị đơn ông Phan Quang S và bà Phan Thị Tường V1 về việc “Chia tài sản chung của hộ gia đình; Chia di sản thừa kế theo pháp luật”.

1. Xác định tài sản chung của hộ gia đình và di sản thừa kế của ông Phan T1 để lại mà các bên yêu cầu chia là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 557, diện tích 110m đất ở, địa chỉ tổ D Hòa Hiệp N quận L, TP Đà Nẵng.

2. Giao cho bà **Đặng Thị P** quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 26, tờ bản đồ số 557, diện tích 110m đất ở, địa chỉ **tổ D Hòa Hiệp N quận L, TP Đà Nẵng**.

3. Bà **Đặng Thị P** có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần tài sản chung của hộ gia đình và kỹ phần thừa kế cho ông **Phan Quang S** là 326.254.550đ (Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm năm mươi đồng); Thanh toán kỹ phần thừa kế cho bà **Phan Thị Tường V1** 17.171.292đ (Mười bảy triệu một trăm bảy mươi một nghìn hai trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

II. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà **Đặng Thị P** có đơn là người cao tuổi xin được miễn nộp tiền tạm ứng, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên được miễn toàn bộ án phí DSST.

- Ông **Phan Quang S** phải chịu 16.312.728 đồng (Mười sáu triệu ba trăm mười hai ngàn bảy trăm hai mươi tám đồng);

- Bà **Phan Thị Tường V1** phải chịu 858.565 đồng (T⁴ trăm năm mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi lăm đồng).

III. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000đ bà **Đặng Thị P** tự nguyện chịu (Đã nộp, đã chi xong).

- Chi phí thẩm định giá tài sản là 21.600.000đ bà **Đặng Thị P** tự nguyện chịu (Đã nộp, đã chi xong).

IV. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Tp ĐN
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Nguyễn Thi Thi

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Chi Nguyễn Văn Cơ Trần Nguyễn Thi Thi